TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19/8/2022
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Bao**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đỉnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/ QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Cẩm H** – sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 7, xã T, huyện T1, tỉnh Hậu Giang.

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H1**– sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lê Thị Cẩm H trình bày:*** Tôi và anh Nguyễn Văn H1 chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh N. Có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 chỉ lo ăn chơi, không lo cho vợ con, tôi đã nhiều

lần khuyên ngăn anh H1 nhưng anh H1 vẫn không thay đổi từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống không có hạnh phúc. Vợ chồng không sống chung với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Duy M, sinh ngày 14/11/2020 hiện nay cháu M đang sống với tôi.

- Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

- *Về quan hệ con chung:* chị H xin được nuôi cháu M, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H1, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H1 vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt từ khi thụ lý vụ án cho đến nay nên không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật .

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm H, cho ly hôn giữa chị Lê Thị Cẩm H và anh Nguyễn Văn H1. Về quan hệ con chung: giao cháu M cho chị H nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H1 với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh H1 vắng mặt. Xét thấy anh H1 đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo mở lại phiên toà hợp lệ theo quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh N, giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 18/02/2020 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị H cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 ăn chơi, không lo cho vợ con, vợ chồng thường cự cãi nhau sống với nhau không có hạnh phúc, chị H đã khuyên nhiều lần nhưng anh H1 vẫn không thay đổi.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng anh H1 không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H1và anh H1 cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*". Xét thấy thực tế giữa chị H và anh H1 không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, không ai có ý muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị H.

[4] Về quan hệ con chung: chị H xác nhận chị và anh H1 có 01 người con chung tên Nguyễn Duy M, sinh ngày 14/11/2020.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu được nuôi cháu M, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *"vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Xét yêu cầu của chị H1 xin được nuôi cháu M là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với đạo đức xã hội bởi lẽ từ khi chị H và anh H1 không sống chung với nhau thì cháu M trực tiếp sống với chị H và chị H cho rằng kinh tế của chị đủ khả năng nuôi cháu M, mặt khác anh H1 cũng không có ý kiến gì về việc chị H xin

được nuôi cháu M. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị H về việc xin được nuôi cháu M không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Tiếp tục giao cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 14/11/2020 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị H xác nhận chị và anh H1 không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí HNST: Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm H. Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Cẩm H và anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 14/11/2020 cho chị Lê Thị Cẩm H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Cẩm H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006370 ngày 22/4/22 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái